

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Phúc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch và ông Đinh Xuân Dậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 761/2018/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/4/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Th, sinh năm 1987. HKTT: 391 ấp B, xã B, huyện C, Thành phố H. Trú tại: tổ 5A4, khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Đỗ Cao Q, sinh năm 1977. HKTT: tổ 3B, khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ. Trú tại: tổ 5A4, khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu và lời khai trong hồ sơ, thì thấy nguyên đơn chị Phan Thị Th trình bày: Chị và anh Đỗ Cao Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai vào ngày 14/5/2011. Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Phan Minh A, sinh ngày: 11/12/2011.

Quá trình chung sống do chị và anh Q bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân chính là do anh Q không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên ăn nhậu, không phụ giúp chị về kinh tế trong việc chăm lo gia đình. Chị đã nhiều lần ngồi lại để nói chuyện, khuyên bảo anh Q nhưng không

được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2019, không còn chia sẻ, quan tâm nhau, tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Cao Q. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con vì con từ trước đến nay sống với chị, chị vẫn chăm sóc tốt con. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung không có.

Bị đơn anh Đỗ Cao Q đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Phan Thị Th được ly hôn với anh Đỗ Cao Q, giao con chung là Đỗ Phan Minh A, sinh ngày: 11/12/2011 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu, Nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu của chị Th là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

Tại phiên tòa, anh Đỗ Cao Q vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về nội dung vụ án: Xét các yêu cầu của chị Th:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Chị Th và anh Q tự nguyện kết hôn được UBND thị trấn T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2011 theo đúng quy định tại điều 11 Luật hôn nhân & gia đình năm 2000, không vi phạm các điều cấm kết hôn quy định tại điều 9, 10 Luật hôn nhân & gia đình năm 2000, nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét mâu thuẫn giữa chị Th và anh Q thì thấy: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên Tòa, Tòa án đã nhiều lần động viên chị Th về đoàn tụ vợ chồng, nhưng chị Th không đồng ý mà vẫn cương quyết xin ly hôn với anh Q. Chứng tỏ, giữa chị Th và anh Q đã phát sinh mâu thuẫn, chị Th không còn muốn chung sống với anh Q. Để xác định và khắc phục mâu thuẫn giữa chị Th, anh Q, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt văn bản tố tụng và thông báo cho anh Q trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th, cũng như đến Tòa án tham gia phiên đối chất, hòa giải đoàn tụ vợ chồng, nhưng anh Q vắng mặt không có lý do. Điều này, thể hiện anh Q không chủ động, tích cực trong việc giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Th được ly hôn với anh Đỗ Cao Q.

[2.2] Về yêu cầu nuôi con: Theo trình bày của chị Th và các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện chị Th và anh Q có 01 con chung là Đỗ Phan Minh A, sinh ngày: 11/12/2011. Qua làm việc cháu A có nguyện vọng ở với chị Th. Chị Th đồng ý và cam kết nuôi tốt cháu, anh Q không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho cháu cần giao cho chị Th được trực tiếp nuôi con.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Nên tạm thời anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con

[2.3] Về tài sản chung: Chị Th và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Chị Th trình bày không có, anh Q không có ý kiến gì. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Th phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Ý kiến nhận định của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5; khoản 1 điều 28; điều 91, điều 92, điều 147, điều 227, điều 228, điều 266, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 9, điều 10, điều 11 Luật hôn nhân & gia đình năm 2000; điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84, điều 131 Luật hôn nhân & gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Th.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Th được ly hôn với anh Đỗ Cao Q.

Về con chung: Giao cho chị Phan Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 con chung là Đỗ Phan Minh A, sinh ngày: 11/12/2011. Tạm thời anh Đỗ Cao Q không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Phan Thị Th.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của anh Đỗ Cao Q.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị Phan Thị Th phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu số 001050 ngày 11/10/2018 qua. Chị Phan Thị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho chị Phan Thị Th biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Cao Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án này theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND TT.T (GCNĐKKH số 68, quyền số 01/2011);
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Phúc